

| SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG<br>TỈNH QUẢNG NGÃI<br>CHI CỤC CHĂN NUÔI VÀ THÚ Y |                   |                                                                                |                                            |                   |                            | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |                         |                              |                                    |                                                                 |         |
|-------------------------------------------------------------------------------|-------------------|--------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|-------------------|----------------------------|-------------------------------------------------------------------|-------------------------|------------------------------|------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|---------|
| Số: /BC-CNTY                                                                  |                   |                                                                                |                                            |                   |                            | Quảng Ngãi, ngày tháng 5 năm 2025                                 |                         |                              |                                    |                                                                 |         |
| BẢNG BÁO GIÁ THỊ TRƯỜNG THÁNG 5 NĂM 2025                                      |                   |                                                                                |                                            |                   |                            |                                                                   |                         |                              |                                    |                                                                 |         |
| ST<br>T                                                                       | Mã<br>hàng<br>hóa | Tên hàng hóa, dịch vụ                                                          | Đặc điểm kinh<br>tế, kỹ thuật,<br>quy cách | Đơn<br>vị<br>tính | Giá phổ biến<br>kỳ báo cáo | Giá bình<br>quân kỳ<br>trước                                      | Giá bình<br>quân kỳ này | Mức giảm<br>giá bình<br>quân | Tỷ lệ giảm<br>giá bình<br>quân (%) | Nguồn<br>thông tin                                              | Ghi chú |
| (1)                                                                           | (2)               | (3)                                                                            | (4)                                        | (5)               | (6)                        | (7)                                                               | (8)                     | (9)=(8-7)                    | (10)=(9/7)                         | (11)                                                            | (12)    |
| I                                                                             | 02.002            | Thức ăn cho heo                                                                |                                            |                   |                            |                                                                   |                         |                              |                                    | Công ty<br>TNHH<br>Thức ăn<br>Chăn nuôi<br>Hoà Phát<br>Đồng Nai |         |
| 1                                                                             |                   | Thức ăn HH heo con (7- 15kg thể<br>trọng) viên 2,5 B02                         | Quy cách: 25 kg                            | Bao               | 413,500                    | 413,500                                                           | 413,500                 |                              |                                    |                                                                 |         |
| 2                                                                             |                   | Thức ăn hỗn hợp cho heo thịt (15-<br>30kg thể trọng) viên, 3.2 B03             |                                            | Bao               | 305,250                    | 305,250                                                           | 305,250                 |                              |                                    |                                                                 |         |
| 3                                                                             |                   | Thức ăn hỗn hợp cho heo nái<br>mang thai viên 4, B06                           |                                            | Bao               | 271,250                    | 271,250                                                           | 271,250                 |                              |                                    |                                                                 |         |
| 4                                                                             |                   | Thức ăn hỗn hợp cho heo nái nuôi<br>con, viên 4, B07                           |                                            | Bao               | 288,250                    | 288,250                                                           | 288,250                 |                              |                                    |                                                                 |         |
| II                                                                            | 02.002            | Thức ăn cho bò                                                                 |                                            |                   |                            |                                                                   |                         |                              |                                    |                                                                 |         |
| 1                                                                             |                   | Thức ăn tin hỗn hợp cho bò thịt -<br>bò vỗ béo viên 4, B60                     | Quy cách: 25 kg                            | Bao               | 226,000                    | 226,000                                                           | 226,000                 |                              |                                    |                                                                 |         |
| 2                                                                             |                   | Thức ăn hỗn hợp cho bò sữa viên<br>4, B61                                      |                                            | Bao               | 241,250                    | 241,250                                                           | 241,250                 |                              |                                    |                                                                 |         |
| III                                                                           | 02.002            | Thức ăn cho gà                                                                 |                                            |                   |                            | -                                                                 |                         |                              |                                    |                                                                 |         |
| 1                                                                             |                   | Thức ăn hỗn hợp cho gà con siêu<br>thịt từ 1 đến 14 ngày tuổi Mảnh<br>3.2 B20S |                                            | Bao               | 317,750                    | 317,750                                                           | 317,750                 |                              |                                    |                                                                 |         |

|    |        |                                                                         |                 |     |         |         |         |  |  |  |
|----|--------|-------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----|---------|---------|---------|--|--|--|
| 2  |        | Thức ăn hỗn hợp cho gà thả vườn từ 29 ngày đến xuất chuồng viên 2.5 B25 | Quy cách: 25 kg | Bao | 296,500 | 296,500 | 296,500 |  |  |  |
| 3  |        | Thức ăn hỗn hợp cho gà đẻ trên 19 tuần tuổi viên 3.2, B32               |                 | Bao | 252,000 | 252,000 | 252,000 |  |  |  |
| IV | 02.002 | <b>Thức ăn cho vịt</b>                                                  |                 |     |         |         |         |  |  |  |
| 1  |        | Thức ăn hỗn hợp cho vịt con siêu thịt từ 1 đến 21 ngày viên 2.5 B40S    | Quy cách: 25 kg | Bao | 304,000 | 304,000 | 304,000 |  |  |  |
| 2  |        | Thức ăn hỗn hợp cho vịt đẻ siêu trứng viên 4, B46S                      | Quy cách: 40 kg | Bao | 387,200 | 387,200 | 387,200 |  |  |  |

Bảng giá trên mang tính tham khảo tại thời điểm và sẽ có thay đổi theo thời gian./.

- Nơi nhận:**
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
  - Phòng KH-TC Sở;
  - Lãnh đạo Chi cục;
  - Phòng HC-TH, Nghiệp vụ;
  - Lưu: VT, HC-TH<sub>Tdat</sub>.

**CHI CỤC TRƯỞNG**

**Đỗ Văn Chung**